Tuần: 5

## Tiết : 9 – 10 BÀI 4: QUY TẮC DẤU NGOẶC VÀ QUY TẮC CHUYỂN VẾ (2 tiết)

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Mô tả được thứ tự thực hiện các pheps tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ

- Vận dụng được thứ tự thực hiện phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ để tính toán hợp lí.

**2. Năng lực**

**Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

**Năng lực riêng:** tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

- Cóý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ; biết tích hợp toán học và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, SGV, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT, PBT,..

**2 - HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**GV**  yêu cầu HS nhắc lại quy tắc dấu ngoặc và quy tắc chuyển vế đối với biểu thức số nguyên sau khi hoàn thành bài tập sau:

*BT khởi động:* Tìm x: 

 “*Em đã áp dụng quy tắc dấu ngoặc và quy tắc cộng trừ nhân chia để tìm x như thế nào?*”

**Học sinh thảo luận trả lời**

**GV:**“Chúng ta đã thực hiện quy tắc dấu ngoặc và quy tắc chuyển vế đối với số nguyên. Vậy đối với đẳng thức có chứa các số hữu tỉ, liệu các quy tắc đó có còn đúng? Chúng ta áp dụng quy tắc dấu ngoặc và quy tắc chuyển vế đối với đẳng thức số hữu tỉ như thế nào, chúng ta cùng tìm hiểu vào bài hôm nay”.

**Bài 4: Quy tắc dấu ngoặc và quy tắc chuyển vế.**

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Quy tắc dấu ngoặc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV** | **HOẠT ĐỘNG HS** | **NỘI DUNG** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chiếu Slide, chia lớp thành 4 nhóm ứng với 4 tổ, yêu cầu HS thảo luận và hoàn thành vào bảng nhóm **HĐKP1**.  - GV dẫn dắt, đặt câu hỏi dẫn đến quy tắc dấu ngoặc:  *Khi bỏ dấu ngoặc, nếu đằng trước dấu ngoặc:*  *Có dấu “+”thì vẫn giữ nguyên dấu của các số hạng trong ngoặc.*      *Có dấu “-”thì phải đổi dấu tất cả của các số hạng trong ngoặc.*      (GV nhấn mạnh, lưu ý cho HS đối với trường hợp có dấu “-” trước ngoặc).  - GV yêu cầu 1-2 HS đọc khung kiến thức trọng tâm.  - GV hướng dẫn HS đọc hiểu và áp dụng quy tắc dấu ngoặc trình bày *Ví dụ 1* vào vở.  - GV yêu cầu HS hoàn thành  **Thực hành 1** theo kĩ thuật chia sẻ cặp đôi.  - GV sát sao, hỗ trợ HS.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá, nhận xét quá trình tiếp nhận và hoạt động của học sinh và gọi 1-2 HS nhắc lại quy tắc dấu ngoặc. | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận nhóm **HĐKP1:** các thành viên trao đổi, viết kết quả vào bảng nhóm.  HS trình bày ví dụ1 vào vở  Hai hs lên bảng giải vd a,b  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HĐ nhóm: Đại diện HS trình bày bài làm của nhóm mình.  - HĐ cá nhân/cặp đôi: HS hoàn thành vở, giơ tay trình bày miệng/ trình bày bảng | **1. Quy tắc dấu ngoặc**  **HĐKP1:**    Vậy    Vậy  Vậy  Kết luận:  *Khi bỏ dấu ngoặc, nếu đằng trước dấu ngoặc:*   * *Có dấu “+”thì vẫn giữ nguyên dấu của các số hạng trong ngoặc.*      * *Có dấu “-”thì phải đổi dấu tất cả của các số hạng trong ngoặc.*     **Thực hành 1:**  A=   =  =  = -1 + 0+ 0 = -1 |
| **Hoạt động 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV dẫn dắt, hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của **HĐKP2**.  - GV dẫn dắt, đặt câu hỏi rút ra quy tắc chuyển vế như mục kiến thức trọng tâm (SGK-tr23):  - GV gọi 2 -3 HS đọc quy tắc trong khung kiến thức trọng tâm.  - GV hướng dẫn, yêu cầu HS áp dụng quy tắc chuyển vế thực hiện *Ví dụ 2*.  GV mời 2 HS lên bảng trình bày; GV chữa bài, giải thích làn lượt các bước.  - GV yêu cầu HS tự thực hiện  **Thực hành 2** vào vở, sau đó chia sẻ nhóm đôi kiểm tra chéo.  - GV: dẫn dắt, gợi ý và giúp đỡ HS.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá quá trình tiếp nhận kiến thức của các HS. GV chốt lại kiến thức và gọi một vài học sinh nêu lại quy tắc chuyển vế. | **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện các hoạt động theo yêu cầu của GV để tiếp nhận kiến thức và ghi nhớ lại quy tắc chuyển vế của đẳng thức chứa số hữu tỉ.  HS trình bày ví dụ2 vào vở  Hai hs lên bảng giải vd a,b  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện hai HS trình bày bảng.  Các HS khác chú ý hoàn thành vở, nhận xét, bổ sung phần trình bày của các bạn. | **2. Quy tắc chuyển vế:**  **HĐKP2**  (Cộng hai vế với )  (Rút gọn hai vế; Ghi k/quả)  Kết luận:  *Khi chuyển một số hạng từ vế này sang vế kia của một đẳng thức, ta phải đổi dấu số hạng đó.*  Với mọi    **Thực hành 2:**  a)      b) |
| **Hoạt động 3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoàn thành BT sau để nhớ lại thứ tự thực hiện các phép tính trong tập số nguyên:  ***BT:*** *Thực hiện phép tính:*  a) 15 – 25 . 8: (100 . 2)  b) 2.[(7 – 33: 32): 22 + 99] – 100  c) 12: { 400: [500 – (125 + 25 . 7)]}    - GV yêu cầu một vài HS đọc khung kiến thức trọng tâm.  - GV hướng dẫn và phân tích các bước HS *Ví dụ 3*  - HS áp dụng thứ tự thực hiện các phép tính để hoàn thành bài **Thực hành 3,** sau đó hoạt động cặp đôi kiểm tra chéo đáp án.  - GV: quan sát và hỗ trợ HS.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý các lỗi sai hay mắc. GV mời 1 -2 HS nhắc lại thứ tự thực hiện các phép tính trong tập hợp số hữu tỉ. | HS nhắc lại thứ tự thực hiện các phép tính đã học ở lớp 6  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện hoàn thành các yêu cầu dưới sự dẫn dắt của GV.  - HS hoạt động cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án.  HS tự trình bày *Ví dụ 3* vào vở.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày:  (**Thực hành 3**: 2 HS trình bày bảng)  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn. | **3. Thứ tự thực hiện các phép tính**  ***BT:***  a) 15 – 25 . 8: (100 . 2)  = 15 – 25 . 8: 200 = 15 – 1 = 14  b) 2.[(7 – 33: 32): 22 + 99] – 100  = 2 . [(7 – 3): 4 + 99] – 100  = 2. (1+99) -100 = 2.100 – 100  = 100  c) 12: {400: [500 – (125 + 25 . 7)]}  = 12: {400: [500 – (125 + 175)]}  = 12: {400: [500 – 300]}  = 12: {400: 200} = 12: 2 = 6  Kết luận:  *- Thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức đối với biểu thức không có dấu ngoặc:*  *+ Nếu biểu thức chỉ có hép cộng, trừ hoặc nhân, chia, ta thực hiện phép tính theo thứ tự từ trái sang phải.*  *+ Nếu biểu thức có các phép cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa, ta thực hiện:*  *Lũy thừa*  *Nhân và chia*  *Cộng và trừ.*  *- Thứ tự thực hiện các phép tính đối với biểu thức có dấu ngoặc:( )*  *[ ]*  *{ }*  **Thực hành 3:**  a)  =  =  =  =  = 1  b)  =  = =  =  = -30 |
| **Động 4 LUYỆN TẬP** | | |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - GV yêu cầu học sinh hoạt động theo nhóm bàn, thực hiện bài Bài 1a; b/ sgk trang 24 và Bài 4a, b/ sgk trang 25  - GV hỗ trợ học sinh khi cần thiết.  - GV chọn hai nhóm hoàn thành sớm nhất lần lượt lên bảng làm bài  Bước 4: Kết luận, nhận định:  - GV thống nhất kết quả và cách trình bày cho HS.  - GV yêu cầu học sinh hoạt động theo nhóm bàn, thực hiện bài Bài 2a; c/ sgk trang 25 và Bài 3/ sgk trang 25  - nêu các bước thực hiện bài tính.  - theo em, tính theo cách nào ở bài 3 thì hợp lí hơn?  - GV chọn hai nhóm hoàn thành sớm nhất lần lượt lên bảng làm bài  : Kết luận, nhận định:  - GV thống nhất kết quả và cách trình bày cho HS. | Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  - Học sinh hoạt động nhóm thực hiện yêu cầu được giao từ GV.  Bước 3: Báo cáo, thảo luận:  - Cả lớp chú ý, quan sát và nhận xét.  - Học sinh hoạt động nhóm thực hiện yêu cầu được giao từ GV.  - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV  2a/ đổi SHT dạng hỗn số về dạng phân số → thực hiện phép tính trong ngoặc → tính kết quả  2c/ đổi SHT dạng số thập phân về dạng phân số → thực hiện phép tính trong dấu ngoặc → lũy thừa → nhân, chia → cộng, trừ.  3: thực hiện tính giá trị của A theo cách 2 hợp lí hơn .  - Cả lớp chú ý, quan sát và nhận xét | 4/ Luyện tập:  Bài 1:          Bài 4          Bài 2:      3.a)  b) |

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

Bài vừa học

- Xem lại các quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế, thứ tự thực hiện phép tính.

- Làm các bài tập: bài 1c; 1d; 2b; 2d; 4c; 4d; 5; 6/ sgk trang 25

Bài sắp học

- Mỗi em chuẩn bị 1 hóa đơn thanh toán tiền điện; xem trước nội dung bài 5: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM: THỰC HÀNH TÍNH TIỀN ĐIỆN.